

## CÁC THỂ DẠNG, THỂ THƠ CỦA CÂU ĐỐ NGƯỜI VIỆT

Triều Nguyên\*

1. Câu đố gồm hai bộ phận: lời đố và lời giải (vật đố). Tìm hiểu lời đố, về mặt các thể dạng, thể thơ, có thể cho thấy một sự phong phú vượt hẳn các thể loại văn vần của văn học dân gian, như ca dao, đồng dao, vè...

Lời đố có thể gồm những lời từ 4 đến 7 tiếng, đến những lời được hình thành theo các thể thơ thường gặp trong sinh hoạt văn học, văn hoá dân gian hiện nay, và cũng bắt gặp một số thể dạng cổ hơn. Tài liệu mà bài viết dùng để xem xét là *Câu đố người Việt*.<sup>(1)</sup>

2. Những miêu tả dưới đây, chia làm hai phần: phần các lời đố từ 4 đến 7 tiếng, và phần các lời đố theo các thể thơ.

2.1. Câu đố có lời đố từ 4 đến 7 tiếng có khá nhiều. Nếu ở cùng số tiếng tương tự, tục ngữ sử dụng nhiều kiểu câu suy luận khá chặt chẽ thì câu đố lại thích hợp với các kiểu câu miêu tả (viết tắt: X, Y, X', Y': vị từ; A, B: danh từ).

### a. Lời đố gồm 4 tiếng

Thường gặp thuộc hai kiểu câu *Không X mà Y*; và *AX, BY*. Thí dụ (mỗi kiểu câu gồm ba lời đố):

- “Không uốn mà thẳng” (cây cau)
- “Không vả mà sưng” (cái nhọt)
- “Không vót mà nhọn” (cái gai)
- “Lòng đỏ, vỏ xanh” (quả dưa hấu)
- “Đầu trứng, đuôi hui” (chiếc đĩa bếp)
- “Ngày búp, đêm nở” (ngọn đèn)...

### b. Lời đố gồm 5 tiếng

Thường gặp một số kiểu câu ngắt nhịp 2 - 3; thí dụ:

- “Hai số, vô số ngang” (đường xe lửa)
- “Chợ đông, không ai bán” (trường học)
- “Giữa cầu, hai đầu giếng” (gánh nước)
- “Túi đỏ đựng bạc tiền” (quả ớt chín)...

### c. Lời đố gồm 6 tiếng

Thường gặp là các kiểu câu ngắt nhịp 3 - 3, như *A (thì) X, B (thì) Y; X (thì) Y, X' (thì) Y'*; *XA, YB*. Thí dụ (kiểu câu đầu 3 lời đố, kiểu câu thứ hai 2 lời đố, kiểu câu thứ ba 2 lời đố):

\* Hội Văn nghệ dân gian Thừa Thiên Huế.

- “Mẹ gai góc, con trọc đầu” (cây và quả chanh)
- “Mẹ trọc đầu, con gai góc” (cây và quả mít)
- “Bụng óc nóc, óc đỏ lói” (cái đèn dầu)
- “Đứng thì thấp, ngồi thì cao” (con chó)
- “Đi nhe răng, về nhe răng” (cái bừa)
- “Đi một bước, cắn một miếng” (cái kéo)
- “Mặc áo sồi, ngồi trong bụi” (măng tre)...

*d. Lời đố gồm 7 tiếng*

Thường gặp là kiểu câu nhíp 3 - 4 *Bằng A, XB*; thí dụ (bốn lời đầu là kiểu câu vừa nêu, ba lời sau là các kiểu câu khác):

- “Bằng cổ tay, nằm ngay đỉnh núi” (sừng trâu)
- “Bằng mẽ sành, chạy quanh hòn núi” (cái lược)
- “Bằng trái cau, lau chau đi trước” (ngón chân cái)
- “Bằng đồng tiền, nằm nghiêng trong bụi” (rau má)
- “Dưới âm ti, vừa đi vừa khóc” (con đế)
- “Nhỏ không nằm nôi, lớn nằm nôi” (quả bí)
- “Dưới nước, trên lửa, giữa sợi dây” (cái đèn dầu)...

**2.2.** Lời đố sử dụng nhiều thể dạng thơ: thể hai tiếng, thể ba tiếng, thể bốn tiếng, thể ngũ ngôn, thể lục ngôn, thể thất ngôn, thể lục bát, thể song thất lục bát, các thể dạng thơ hỗn hợp... Đồng thời, cũng có một số lời đố sử dụng thể đối, dạng câu đối ngắn. So với ca dao, việc vận dụng các thể thơ ở lời đố của câu đố đa dạng hơn.<sup>(2)</sup>

Những trình bày dưới đây chia làm bốn nhóm: 1) nhóm các thể thơ từ 2 đến 7 tiếng; 2) nhóm các thể thơ lục bát, song thất lục bát (cùng các biến thể của chúng); 3) nhóm sử dụng thể đối, dạng câu đối ngắn; và 4) nhóm các thể dạng thơ hỗn hợp.

*a. Nhóm các thể thơ từ 2 đến 7 tiếng*

+ Thể hai tiếng:

- “Tay chận,  
Chân đề,  
Khu nấc,  
Mắt ngó!” (xắt thuốc lá bằng cái bàn xắt)
- “Tông phổng,  
Tông phông;  
Trong lông,  
Ngoài thịt!” (lỗ mũi)...

+ Thể ba tiếng:

- “Chặt không đứt,  
Bứt không rời,

- Phơi không khô,  
Chùm không đỏ!” (nước)
- “Mười chú lùn,  
Leo lên núi,  
Bắt chú lủi,  
Bỏ vô hang,  
Đóng hai hàng,  
Kêu chít chít!” (bắt chấy bỏ miệng cắn)...
- + Thể bốn tiếng:
- “Đập đập trói trói,  
Bỏ đói suốt ngày;  
Mai tới đi đày,  
Đặt cho tên khác!” (mạ khi nhỏ đem cấy)
  - “Cái bằng nôi ba,  
Ông bà cũng hã,  
Ông vải cũng kinh;  
Kẻ trộm ngôi rình,  
Mà rình không được!” (tổ ong vò vẽ)...
- + Thể năm tiếng (ngũ ngôn):
- “Da đây mụn, đây rôm,  
Ruột đây tôm đây tép.  
Dáng khi tròn khi dẹp,  
Ăn khi ngọt khi chua?” (quả bưởi)
  - “Sinh ra từ dưới biển,  
Lớn lên ở trên nguồn;  
Có đĩa lớn đĩa nhỏ,  
Có đĩa gần đĩa xa;  
Gặp khi trời trở lạnh,  
Thút thút lệ chan hòa!” (mây và mưa)...
- + Thể sáu tiếng (lục ngôn):
- “Da cóc mà bọc bột lọc,  
Bột lọc mà bọc hòn than” (quả nhãn)
  - “Tám thằng dân khiêng cái quả,  
Hai ông hương cả đi không” (con cua, ghẹ)
  - “Ban ngày dạo chơi vườn hạnh,  
Tối lại quanh quần má đào;  
Gheo nàng tiên lúc chiêm bao,  
Khi nàng say trong giấc ngủ” (con muỗi)...

+ Thể bảy tiếng (thất ngôn):

- “Thân em lơ lửng giữa lưng trời,  
Gió mát trăng thanh đứng đỉnh chơi;  
Thân này lăm lức đau vì nước,  
Xác nọ còn mong giúp việc đời” (quả dứa)
- “Người bé nhưng mà có tính khôn,  
Cửa đèn, cửa phủ, cửa công môn,  
Cá ngon, cơm trắng thường kề miệng,  
Má phấn môi son cũng được hôn” (con ruồi)
- “Đương thuở thanh bình thì ẩn mặt,  
Gặp cơn phong vũ mới ra đời.  
Tiếng vang rừng rậm oai kinh cộp,  
Mình nép ao sâu mắt nhỏ trời.  
Ăn tuyết nằm sương, công chẳng quản,  
Bỏ lòng vì nước mới ra chơi” (con ếch)...

Số lời đố theo thể 2 tiếng có rất ít (khoảng 0,4%), trong lúc số theo các thể sau thì khá nhiều. Thể thơ 2 tiếng, 3 tiếng khiến chúng ta không khỏi nghĩ đến đồng dao. Điều khác biệt là, ở lời đố, tuy 2 hay 3, 4 tiếng nhưng thường là một kiểu câu miêu tả tối giản (“Tay chặn”, “Mắt nhìn”, “Lá (thì) chia ba”, “Bông (như) hoa cà”, “Chặt (thì) không đứt”, “Cái bằng nôi ba, Ông bà cũng hời”...) trong một kết hợp mang tính xác thực, chặt chẽ; trong lúc ở đồng dao không đòi hỏi một kiểu câu như vậy, và sự kết hợp của một đơn vị văn bản (về ngữ pháp, ngữ nghĩa) cũng rất mơ hồ, lỏng lẻo (thí dụ: “Cái mốt, Cái mai, Con trai, Cái hến, Con nhện, Vương tơ, Quả mơ, Quả mít...”; “Trồng cây dứa, Chừa cây mận, Tấn cây đào, Cây nào cao, Cây nào thấp, Cây nào rậm, Chặt bớt đi!”; “Trời mưa lâm râm, Cây trâm có trái, Con gái có duyên, Đồng tiền có lỗ, Bánh ỏ thì ngon, Tôm càng thì béo, Cái kéo cắt may”...<sup>(3)</sup>)

Số lời đố theo thể 7 tiếng có tính chất vịnh, thường gặp dạng tứ tuyệt, dạng bát cú không tìm thấy. Lời đố về “con ếch” (gồm 6 dòng thơ 7 tiếng) là lời đố có dung lượng lớn nhất thuộc thể 7 tiếng này.

*b. Nhóm các thể thơ lục bát, song thất lục bát*

+ Thể thơ lục bát

Thể thơ lục bát được sử dụng nhiều trong câu đố (chiếm khoảng 65%). Chúng thường chỉ gồm hai hay bốn dòng thơ.<sup>(4)</sup> Bên cạnh dạng lục bát cơ bản, phổ biến (tiếng thứ 2 theo thanh bằng, tiếng thứ 4 theo thanh trắc, vần bằng gieo vào tiếng cuối dòng lục, tiếng thứ 6 và tiếng thứ 8 dòng bát), có dạng lục bát ít gặp (vị trí vần ở dòng bát từ tiếng thứ 6 chuyển sang tiếng thứ 4, thay vào đó, tiếng thứ 6 đổi ra thanh trắc), và các dạng biến thể theo cách thu bớt hay nói thêm số tiếng ở cả hai dòng thơ.

Dưới đây là 5 lời đố minh họa theo thứ tự cho ba dạng, dạng cuối gồm ba lời:

- “Quê em ở chốn thanh lâm,  
Sinh ra em vốn hồng tâm hắc bì;  
Em đi dạo khắp kinh kỳ,  
Tìm nơi bạch bố em thì kết duyên” (củ nâu) <sup>(5)</sup>
- “Có chân mà chẳng biết đi,  
Có mặt phẳng lý cho kẻ ngồi trên” (cái ghế)
- “Hạt quýt biết bay,  
Đi đêm mang đuốc, ban ngày thì không” (con đom đóm)  
(Vị trí dòng lục bị thu bớt còn 4 tiếng)
- “Con chi không ăn, không nói, không cười,  
Nghiêng lưng mà chịu với người hôm mai”  
(con đà lốt ván, sập ngựa)  
(Vị trí dòng lục được nói thành 8 tiếng)
- “Có cổ mà không có đầu,  
Hai chân trước thì ngắn, hai chân sau thì dài” (cái yếm)  
(Vị trí dòng bát được nói thành 10 tiếng)...

+ Thể thơ song thất lục bát

Thể thơ song thất lục bát không nhiều, gồm dạng cơ bản (ở dòng thất trên, tiếng thứ 5 theo thanh bằng; ở dòng thất dưới, tiếng thứ 5 theo thanh trắc và vần với tiếng thứ 7 của dòng thất trên, tiếng thứ 7 theo thanh bằng và vần với tiếng thứ 6 của dòng lục dưới; tiếp đó, cách cấu tạo thanh và vần theo thể lục bát đã nói; nếu có khổ song thất lục bát tiếp theo, thì tiếng thứ 5 của dòng thất đầu khổ này sẽ bắt vần (vần bằng) với tiếng thứ 8 của dòng bát liền trước của nó), và các dạng biến thể theo cách chuyển dịch vần hoặc thu bớt hay nói thêm số tiếng ở các dòng thơ.

Dưới đây là 3 lời đố minh họa, lời đầu cho dạng song thất lục bát cơ bản, hai lời sau cho dạng song thất lục bát biến thể.

- “Kẻ trong buồng nắng mưa dầu dãi,  
Người ngoài buồng khắc khoải thom lom  
Sáng chiều qua lại đứng dòm,  
Bàn lui tính tới, chê non chê già” (buồng chuối)
- “Vai mang bầu chi chít,  
Dây tơ hồng vấn vít cành vai.  
Ngày thời dạo chốn non đồi,  
Mong cho gặp bạn, kéo mãi hoài nhớ thương” (đi nơm) <sup>(6)</sup>  
(Dòng thất đầu bị thu bớt chỉ còn 5 tiếng, dòng bát được nói ra thành 9 tiếng);

- “Tám thằng dân khiêng cái quả,  
Hai ông xã xách hai cái kềm;  
Một lòng vì nước ngày đêm,  
Xây nhà dưới hố, bên trên giậu rào” (con cua, ghe)

(Dòng thất đầu bị thu bớt còn 6 tiếng, vẫn ở dòng thất sau từ vị trí thứ 5 chuyển sang vị trí thứ 3).

*c. Nhóm sử dụng thể đối, dạng câu đối ngắn*

Có khoảng 0,7% số lời đố sử dụng thể đối, dạng câu đối ngắn, mỗi vế từ 6 đến 7 tiếng. Thí dụ:

- “Trên trời mang toi mà xuống,  
Âm phủ đội mũ mà lên” (cây đậu - giai đoạn nhú mầm)
- “Vạch đất chỉ trời bày bút ngọc,  
Phơi sương đập tuyết bóc da vàng” (cây măng)
- “Ba tháng cuốn cờ bông con đỏ,  
Một phen cởi giáp cứu dân đen” (cây và quả ngô)
- “Mẹ đi trước đánh công, đánh bạt,  
Con đi sau vừa hát, vừa reo” (gà mẹ và lũ con)
- “Hữu cốt, hữu bì, vô hữu nhục,  
Nghỉ xuân, nghỉ hạ, bất nghỉ đông” (cái quạt)  
(*Nghĩa*: Có xương, có da, không có thịt;  
Hợp với mùa xuân, mùa hè, không hợp với mùa đông)
- “Trên thượng đình có bông không trái,  
Dưới thượng đình có trái không bông” (cây lạc)
- “Nắng ba năm ta không bỏ bạn,  
Mưa một ngày bạn lại bỏ ta” (cái bóng)...

Hai lời đố sau, lời đố về “cây lạc”, vế trên: “có A không B”, vế dưới: “có B không A” (tráo vai đối tượng); lời đố về “cái bóng”, vế trên: “A không bỏ B”, vế dưới: “B (lại) bỏ A” (tráo nhau giữa chủ thể và đối tượng, kèm với việc chuyển mẫu câu từ phủ định sang khẳng định). Đây là cách miêu tả vật đố trong quan hệ với hai mặt khác nhau của cùng một thực thể có khả năng quyết định về sự sinh tồn của chúng. Cách miêu tả này, cùng thể đối nói chung, vừa có tác dụng phân hóa để đoán nhận vật đố, đồng thời cũng làm cho hai mặt hình ảnh xoắn xít nhau, gây rối cho quá trình đoán nhận ấy. Do vậy mà số các lời đố theo thể đối, thường là những lời đố khó giải.

*d. Các thể dạng thơ hỗn hợp*

Các dạng thơ hỗn hợp được sử dụng phổ biến. Cùng với các thể vừa trình bày, chúng góp phần quan trọng tạo nên sự phong phú cho lời đố về mặt thể dạng. Đồng thời, chúng cũng cho thấy sự phóng túng, linh hoạt của loại ngôn ngữ văn vần trong dân gian.

+ Có một thể dạng đáng chú ý trong lời đố là thể dạng gồm ba dòng, hai dòng đầu mỗi dòng sáu tiếng, đều mang vần bằng ở tiếng thứ sáu, dòng thứ ba gồm tám tiếng, vần như vần của dòng bát ở thể lục bát. Thí dụ:

- “Có con mà không có cha,  
Cố cửa mà không có nhà,  
Đến ngày con lớn mẹ đà chết đi” (con nước, cửa sông)
- “Vuông nở vuông, tròn nở tròn,  
Đem nấu mình đỏ như son,  
Người chê dở, kẻ khen ngon cũng nhiều” (con cua, ghe)
- “Hai cô nằm nghỉ hai phòng,  
Ngày thì mở cửa ra trông,  
Đêm thì đóng cửa, lấp chông ra ngoài” (đôi mắt)
- “Năm anh đứng bên kia sông,  
Năm cô đứng bên này sông,  
Năm anh mới xỏ vào lòng năm cô” (cúc áo và lỗ khuyết)
- “Một trăm thằng lính đi qua,  
Thằng mô không mũ thì tha,  
Thằng mô có mũ đem ra chém đầu” (bao diêm)...

Giả sử, đây là thể cơ bản (có thể gọi là thể *nhị lục nhất bát*), thì thể này cũng có các biến thể tương tự thể lục bát, thể song thất lục bát; thí dụ:

- “Xẹo xẹo ba góc địa đồ,  
Làm thì ướt, không làm thì khô,  
Làm cuồng làm cuống thì vô được nhiều” (cái nui)  
(Dòng lục thứ hai nối dài thành 7 tiếng)
- “Cô kia xam xám da chì,  
Đầu thời tóc phượng, vớ lại long li,  
Bốn vú<sup>(7)</sup> lạnh ngắt, đánh thì kêu lên” (cái chuông)  
(Dòng lục thứ hai nối dài thành 8 tiếng)...
- “Sáu người cùng gọi một tên:  
Bốn người thì ở bốn bên,  
Một nằm dưới đất, một ngựa lên trên trời” (quan tài)<sup>(8)</sup>  
(Dòng bát lời này nối dài thành 9 tiếng)
- “Có mặt mà chẳng có đầu,  
Lúc nghèo thì bạn với trâu,  
Đến khi vinh hiển, gọi cô nàng hầu cái vú rở to”<sup>(9)</sup> (cái trống)

(Dòng bát lời này nối dài thành 12 tiếng, vị trí vần lưng chuyển về phía trước của câu hai tiếng, ở chỗ vốn là của nó được thể hiện bằng thanh trắc - “vú”)

Thể dạng này cũng được tìm thấy trong ca dao (nhưng mức độ không nhiều bằng câu đố); thí dụ:

“Biển tình chìm nổi, bồi rồi tư lương,  
Thiếp với chàng như lửa với hương;

Một mai tê dù hương tàn lửa tắt, đạo nghĩa cương thường chớ quên”.

Đó là một lời ca dao cổ. Số lời đố sử dụng thể dạng này cũng đều là những lời đố xa xưa. Nên có thể xem đây là một thể dạng cùng tồn tại với thể lục bát và song thất lục bát, dùng trong các sáng tác dân gian (mà càng về sau càng ít được dùng đến), hoặc là một thể tiền thân của hai thể dạng kia. Nhưng một sự xác định về thể dạng thơ cần phải được tìm hiểu thấu đáo hơn, trong lúc những trình bày trên mới dừng ở mức phác họa (do vậy mà vẫn xếp vào tiểu mục này).

+ Dưới đây, là một số lời đố được sáng tác theo các thể hỗn hợp khác:

- “Trai mặc áo,  
Lão ở trần;  
Lão mạnh như thân,  
Trai yếu ọp ẹp” (măng và tre)  
(Dạng kết hợp: 3-3-4-4)
- “Thằng nhỏ nhỏ,  
Mặc áo đỏ,  
Đội bụi cỏ,  
Ngồi chò hỏ sau vườn” (quả dưa)  
(Dạng kết hợp: 3-3-3-5)
- “Trên đá, dưới đá,  
Giữa có con cá thồn bơn” (răng và lưỡi)  
(Dạng kết hợp: 4-6, vần trắc)
- “Cha cao, mẹ cao,  
Để con có ao có vông” (cây khế)  
(Dạng kết hợp: 4-6, vần bằng)
- “Năm ông thầy sãi,  
Đứng mãi bên sông;  
Tội tình chi hề, trọng hay không,  
Mà lại bắt đóng gông cả thầy?” (cúc áo và lỗ khuyết)  
(Dạng kết hợp: 4-4-7-7)
- “Sâm sâm đứng một đóng,  
Tiếng rống vọng non xa;  
Ranh nạng [răng nanh, nói lái] đất giá, thịt da rẻ rẻ” (con voi)  
(Dạng kết hợp: 5-5-8)

- “Nhập nhị,  
Nhập nhị cho chị em nghe,  
Đâm vô cái, thẳng lè lè,  
Rút ra cái bóc: cho đội nước chè uống chơi!”  
(người thổi kèn nhị)  
(Dạng kết hợp: 2-6-6-10)
- “Chỉ bằng ngón tay,  
Ăn toàn thịt sống,  
Nuốt trộm chẳng nhai.  
Hỏi mày, mày nhớ thương ai,  
Đêm đêm thở ngắn than dài xót xa?” (con thạch sùng)  
(Dạng kết hợp: 4-4-4-6-8)...

**3.** Những trình bày về các thể dạng, thể loại thơ của câu đố theo phương thức mô tả trên đây, cho thấy một vấn đề quan trọng của thể loại này. Đó là mặt cơ bản về diện mạo, hình thức của nó. Từ đó, có thể mở ra một sự so sánh với các thể loại văn vần dân gian và thơ của các nền thơ, nhà thơ, cũng như suy nghĩ về quá trình vận động để tạo ra những thể thơ của dân tộc.

Đó là những hy vọng mà bài viết ngắn này có thể đạt được.

**T N**

### **CHÚ THÍCH**

- (1) Triều Nguyên, *Câu đố người Việt*, Nxb Thuận Hóa, 2007. Sách này tập hợp 2000 đơn vị câu đố.
- (2) Nguyễn Xuân Kính trong *Thi pháp ca dao* (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004), về thể thơ, đã ghi nhận ca dao sử dụng bốn thể: thể lục bát, thể song thất lục bát, thể song thất, thể hỗn hợp (tr 215-256).
- (3) Nguyễn Thúy Loan và các tác giả khác, *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998, tr 157, 269.
- (4) Có lời đố về “hoa sen” gồm bảy cặp lục bát, là lời đố dài nhất của thể loại câu đố:

Mặt quân tử sánh tựa gương tàu,  
Cán dù võng nguyệt, trong hầu quý nhân.  
Thuyền quỳên đang đứng ngoài sân,  
Nhìn xem đã muốn Châu Trần kết duyên.  
Cán dù võng lọng nhâm thiên,  
Xin chàng hai chữ kết nguyên tây đông.  
Râu ria sắc trắng, sắc hồng,  
Kẻ qua người lại năng bông hôn chơi.  
Năm người hầu hạ thanh thời,  
Đến phiên châu chực dám lời chút nào.  
Đồn rằng thơm nức làm sao,  
Được như danh ấy, người nào cũng xinh.  
Nào ai nổi tiếng lòng thành,  
Giơ tay vin lấy cho mình thắm hoa.

- (5) Củ nâu dùng để nhuộm vải, nên “kết duyên” với “bạch bố” (vải trắng).
- (6) Người đi nơm (chơm), vai mang giỏ (oi), tay xách nơm, đi ven bờ mương, ruộng sâu, mong cho bắt được cá.
- (7) Vú chuông: núm tròn, đúc nổi trên thành chuông, là chỗ để đánh.
- (8) Quan tài gồm sáu tấm ván (dòng 1): bốn ván thành (dòng 2), một ván thiên một ván địa (dòng 3). Cũng có người cho lời giải là cái rương (hòm), vật để đựng đồ đạc.
- (9) Ý chỉ cái trống hòa nhịp với cái chiêng trong dịp tế lễ.

### TÓM TẮT

Bài viết miêu tả các thể dạng, thể thơ của câu đố người Việt (qua bộ sưu tập 2.000 câu đố của người viết). Việc miêu tả này gồm hai phần chính: các lời đố từ 4 đến 7 tiếng và các lời đố theo các thể, dạng thơ (hai tiếng, ba tiếng, bốn tiếng, ngũ ngôn, lục ngôn, thất ngôn, lục bát, song thất lục bát, thơ hỗn hợp). Bên cạnh đó, cũng có một số lời đố làm theo dạng câu đối ngắn, mỗi vế 6-7 tiếng.

Những miêu tả như vậy nhằm giúp thấy được diện mạo của câu đố, một lĩnh vực thuộc hình thức; để từ đó có thể mở ra một sự so sánh với các thể loại văn vần dân gian khác, và sự nhìn nhận về quá trình vận động để tạo ra các thể thơ của dân tộc.

### ABSTRACT

#### POETRY FORMS AND METRES OF VIETNAMESE RIDDLES

The article gives a description of forms and styles of the Vietnamese riddles (As viewed through his collection of 2000 riddles). His description is composed of two parts: Riddles with 4 to 7 words and riddles composed in the forms and styles of poetry (Those of the metres of 2 words, 3 words, 4 words, 5 words, 7 words, six-eight-word stich, seven-seven-six-eight word stich, and of mixed metre). In addition, there are short riddles composed in the form of a short couplet with each member including 6 to 7 words.

Descriptions of this kind helps one to get a good view of Vietnamese riddles as regards its form and consequently can make a comparison between riddles and other folk rhymed